

Số: 46 /BC-UBND

Kbang, ngày 30 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO

**Tổng kết, đánh giá Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2016-2020 và đề xuất thực hiện giai đoạn 2021-2025**

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020**

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Vai trò chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Trên cơ sở quy định, hướng dẫn của TW và của Tỉnh, Huyện ủy, UBND huyện đã kịp thời ban hành các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn huyện, như:

- Nghị quyết Đại hội Huyện Đảng bộ lần thứ VIII nhiệm kỳ 2015-2020; Thông báo kết luận số 10-KL/HU ngày 01/02/2016 của Huyện ủy về tiếp tục thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới đến năm 2020.

- Nghị Quyết số 03-NQ/HU ngày 10/5/2017 của BCH Đảng bộ Huyện “Về phát triển hợp tác xã trên địa bàn huyện giai đoạn 2017-2020”.

- Chỉ thị số 06-CT/HU của Ban thường vụ Huyện ủy ngày 2/8/2017 “V/v đẩy mạnh hoàn thành thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng NTM năm 2017 đối với xã Đông, Nghĩa An”.

- Nghị Quyết của Ban chấp hành Đảng bộ huyện (khóa VIII) về đẩy mạnh công tác giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng đến năm 2025.

- Thông báo số 58-TB/HU ngày 10/12/2015 của Huyện ủy “Về việc phân công Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy khóa VIII, nhiệm kỳ 2015-2020 phụ trách các xã xây dựng nông thôn mới (giai đoạn 2015-2020)”

- Chương trình phối hợp “Triển khai thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” ngày 30/6/2017 của UBMT TQVN huyện và các tổ chức chính trị - xã hội huyện.

- Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 15/01/2016 của UBND huyện “Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 - 2020”.

- Quyết định 421/QĐ-UBND ngày 5/5/2016 của UBND Huyện “Về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới huyện Kbang giai đoạn 2016-2020”.

- Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND huyện “V/v ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện Phòng trào “Kbang chung sức xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020”.

- Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND huyện “V/v giao kế hoạch lộ trình thực hiện thành lập hợp tác xã trên địa bàn huyện Kbang giai đoạn 2016 - 2020”.

- Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện “V/v thành lập BCD Chương trình MTQG huyện Kbang giai đoạn 2016 - 2020” và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện KBang, giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 17/02/2017 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện KBang.

- Quyết định 790/QĐ-UBND ngày 16/2/2017 của UBND Huyện “V/v tổ chức lại văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM huyện Kbang giai đoạn 2016 - 2020”.

- Hàng năm BCH Đảng bộ huyện, HĐND Huyện đều ban hành nghị Quyết giao chỉ tiêu nhiệm vụ thực hiện; UBND Huyện ra quyết định giao chỉ tiêu thực hiện cho UBND các xã làm cơ sở tổ chức thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới hàng năm trên địa bàn huyện.

2. Xây dựng đồng bộ hệ thống bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

a. Mô hình tổ chức bộ máy chỉ đạo chương trình:

- Cấp huyện: Thành lập BCD Các chương trình MTQG trực tiếp chỉ đạo thực hiện chương trình do Đ/c Chủ tịch UBND Huyện làm trưởng Ban, các Phó chủ tịch UBND Huyện làm Phó ban, cơ quan thường trực là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thành lập Văn phòng điều phối nông thôn mới để tham mưu, giúp việc, tổ chức hướng dẫn triển khai thực hiện chương trình.

- Cấp xã: Thành lập 4 Ban để tổ chức triển khai thực hiện (*Ban chỉ đạo, Ban quản lý, Ban giám sát và Ban phát triển thôn làng*), trong đó Ban chỉ đạo do Đ/c Bí thư Đảng ủy xã làm trưởng ban, Trưởng Ban quản lý do Đ/c Chủ tịch UBND xã làm trưởng ban, Ban giám sát do Đ/c Chủ tịch UBMTQVN xã làm trưởng Ban và Trưởng ban phát triển thôn làng do Đ/c Trưởng thôn làm trưởng ban; Cán bộ tham mưu giúp việc là công chức địa chính nông nghiệp môi trường xã.

b. Kết quả kiện toàn bộ máy giúp việc cho BCD.

- Thực hiện Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 5/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ “Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp”; Công văn số 159/UBND-NL ngày 13/1/2017 của UBND Tỉnh “V/v tổ chức lại văn phòng điều phối nông thôn mới cấp huyện và bố trí công chức cấp xã chuyên trách về nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới”, ngày 16/2/2017 UBND huyện ban hành Quyết định số 790/QĐ-UBND về việc thành lập lại Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện, với 05 thành viên gồm đồng chí Phó chủ tịch UBND huyện phụ trách lĩnh vực Nông - Lâm nghiệp làm Chánh Văn phòng kiêm nhiệm, đồng chí Trưởng phòng NN&PTNT huyện làm Phó Chánh Văn phòng kiêm nhiệm, đồng chí Phó Trưởng phòng NN&PTNT huyện làm Phó Chánh Văn phòng chuyên trách và 02 đồng chí chuyên viên làm việc tại Văn phòng điều phối chương trình nông thôn mới. Tuy nhiên hiện nay do công tác luân chuyển cán bộ nên Văn phòng NTM huyện chỉ còn lại 4 thành viên gồm đồng chí Phó chủ tịch UBND huyện làm Chánh Văn phòng kiêm nhiệm, đồng chí Trưởng phòng NN&PTNT huyện làm Phó Chánh Văn phòng kiêm nhiệm, 01 đồng chí kế toán và 01 chuyên viên Phòng Nông nghiệp và PTNT được phân công nhiệm vụ phụ trách Văn Phòng điều phối NTM huyện.

- Cấp xã: Đã củng cố và kiện toàn lại 04 Ban: BCD xây dựng nông thôn mới, BQL xã, Ban Giám sát xã, Ban phát triển thôn, làng đi vào hoạt động đảm bảo năng lực và có hiệu quả, đồng thời bố trí công chức địa chính nông nghiệp và môi trường kiêm nhiệm, theo dõi chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cấp xã.

c. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, hạn chế về bộ máy chỉ đạo thực hiện chương trình.

- Việc thành lập BCD các chương trình MTQG đã góp phần cho công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện chương trình trên địa bàn huyện được kịp thời, đảm bảo tiến độ thực hiện của chương trình; đồng thời việc thành lập Văn Phòng NTM đã tạo nên tính chủ động trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình, từ đó kịp thời tham mưu UBND Huyện triển khai có kết quả các nhiệm vụ, kế hoạch thực hiện xây dựng NTM hàng năm.

- Đến nay, bộ máy chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình các cấp trên địa bàn huyện đã cơ bản được củng cố và đi vào hoạt động thống nhất trong toàn huyện. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ công chức chuyên môn nghiệp vụ làm nhiệm vụ tham mưu triển khai thực hiện Chương trình ở một số xã vẫn còn thiếu (*thiếu công chức nông nghiệp môi trường*), đa số là kiêm nhiệm nên kết quả tham mưu tổ chức thực hiện còn nhiều hạn chế, nhất là công tác tham mưu, tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình, phát hiện vấn đề, đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề phát sinh từ thực tiễn.

- Các thành viên BCD huyện được phân công, phụ trách xã và từng tiêu chí cũng như các thành viên Ban Quản lý xã chưa thật sự bám sát nội dung Chương trình, chưa thật sự bám sát địa bàn, chưa có sự phối hợp chặt chẽ nên công tác triển khai thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí còn hạn chế.

3. Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới.

a. Kết quả tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ thực hiện Chương trình ở các cấp.

Hàng năm trên cơ sở phân bổ kinh phí của Tỉnh, UBND Huyện ban hành kế hoạch tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện theo dõi chương trình xây dựng nông thôn mới từ Huyện đến thôn, làng theo đúng các chuyên đề tập huấn do Bộ nông nghiệp và PTNT ban hành, hướng dẫn (*Quyết định số 4072/QĐ-BNNPTNT-VPĐP, Công văn số 5842/BNN-VPĐP*) và lồng ghép các nội dung, chuyên đề triển khai thực tế tại địa phương, hình thức đào tạo, tập huấn theo phương pháp tập trung nghe giảng, thảo luận, giải đáp thắc mắc tại lớp; Đồng thời hàng năm UBND Huyện đều cử từ 15-25 cán bộ, công chức huyện, xã tham gia các lớp tập huấn do TW, Tỉnh tổ chức.

b. Đánh giá hiệu quả công tác đào tạo; những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Thông qua các lớp tập huấn đã giúp cán bộ thực hiện chương trình cập nhật được các nội dung văn bản của TW, của Tỉnh về cơ chế, chính sách, hướng dẫn thực hiện Chương trình xây dựng NTM, tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương triển khai thực hiện xây dựng NTM. Đồng thời, công tác đào tạo, tập huấn cán bộ đã giúp nâng cao chất lượng triển khai các nội dung Chương trình, tiết kiệm được nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các tiêu chí nông thôn mới; chia sẻ những kinh nghiệm, nhân rộng những mô hình mới, cách làm hay trong xây dựng nông thôn mới từ các địa phương khác nhau trong huyện.

- Việc đào tạo, tập huấn với thời gian ngắn (*từ 1-2 ngày*) còn mang nặng tính lý thuyết, việc xây dựng mô hình điểm và công tác tổ chức tham quan mô hình học hỏi kinh nghiệm thực tế còn hạn chế và cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và có sự thay đổi nên các kiến thức được trang bị, thiếu tính liên tục, nhất là việc cập nhật các văn bản hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi của Trung ương, tỉnh còn chậm. Do đó, quá trình tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện, chế độ thông tin báo cáo chưa kịp thời, chưa thông suốt và hiệu quả, chất lượng chưa cao.

4. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về xây dựng nông thôn mới

a. Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân trong triển khai thực hiện chương trình.

- Công tác tuyên truyền có vai trò quan trọng trong quá trình triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới cũng như trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới đến từng hộ dân và từng người dân bằng nhiều hình thức, phong phú, như truyền truyền bằng pa nô, áp phích, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin với nội dung thiết thực để nhân dân hiểu rõ vai trò chủ thể trong công cuộc xây dựng nông thôn mới. Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện đã tăng cường thời lượng đưa tin, bài tuyên truyền về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, cũng như “ *gương người tốt, việc tốt*” trong thi đua xây dựng nông thôn mới trên phương tiện thông tin đại chúng.

- Công tác tuyên truyền luôn gắn với phong trào thi đua “*xây dựng nông thôn mới*” và đã trở thành nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể trong giai đoạn 2016 - 2020. Bằng những nội dung, hình thức phong phú, thiết thực gắn với phương châm “*Phát huy nội lực là chính*”. Công tác tuyên truyền đã được triển khai sâu rộng từ huyện đến cơ sở với sự chỉ đạo sâu sát của cấp ủy, chính quyền và sát đúng với thực tiễn ở địa phương từ đó đã phát huy được nguồn lực và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, của các tầng lớp Nhân dân trong xây dựng nông thôn mới và đã có nhiều mô hình của các tập thể cá nhân có cách làm hay sáng tạo đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND Tỉnh tặng cờ thi đua, bằng khen cũng như được chủ tịch UBND huyện khen thưởng trong thực hiện phong trào thi đua “*Kbang chung sức xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020*” trên địa bàn như:

+ Đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen cho 02 cá nhân có thành tích tiêu biểu.

+ Đề nghị Chủ tịch UBND Tỉnh tặng cờ thi đua cho 01 tập thể (*Cán bộ và nhân dân Huyện Kbang*), tặng bằng khen 3 tập thể (*Văn Phòng điều phối NTM Huyện, Tập thể cán bộ và nhân dân làng Kdâu xã Kông Long Khong, Tập thể cán bộ và nhân dân Làng Lọt xã Nghĩa An*) và 5 cá nhân có thành tích tiêu biểu.

+ Chủ tịch UBND Huyện tặng giấy khen cho 7 tập thể và 36 cá nhân có thành tích tiêu biểu trong thực hiện phong trào thi đua xây dựng NTM trên địa bàn huyện, điển hình như: (*Tập thể cán bộ và nhân dân làng Hà nừng xã Sơn Lang, tập thể cán bộ và nhân dân xã Nghĩa An; hộ gia đình ông Đình Jot xã Krong đã hiến 920m² đất để xây dựng NTM, gia đình Ông Vi Văn Oanh xã Tơ Tung mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng cho thu nhập cao,...*).

b. Những thuận lợi, khó khăn:

- Qua công tác tuyên truyền, vận động thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện cơ bản đã có sự chuyển biến rõ nét, đã tạo được sự đồng thuận của nhân dân trong xây dựng nông thôn mới, nhân dân đã nhận thức được mình là chủ thể trong xây dựng nông thôn mới; hầu hết người dân đã ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình trong việc tham gia xây dựng nông thôn mới, nhờ đó xây dựng nông thôn mới đã thật sự trở thành một phong trào thi đua sâu rộng trong toàn dân, được người dân ủng hộ và đồng lòng triển khai thực hiện; các cấp, các ngành đã coi xây dựng NTM là nhiệm vụ chính trị và cả hệ thống chính trị ở cơ sở đã vào cuộc.

- Công tác tuyên truyền tuy sớm được triển khai nhưng chưa thực sự có chiều sâu và điểm nhấn. Nội dung tuyên truyền còn dừng lại ở việc tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách, các thông tin khác vẫn còn mang tính một chiều, chưa đáp ứng được các nhu cầu bức xúc của nhân dân. Thông tin tuyên truyền xây dựng nông thôn mới trên các phương tiện thông tin đại chúng chưa nhiều, chưa được liên tục. Công tác tuyên truyền,

vận động nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới theo phương châm “*Người dân là chủ thể xây dựng nông thôn mới*”, phong trào giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn, việc vận động thay đổi các tập quán, lối sống, sản xuất lạc hậu của một số vùng đồng bào dân tộc thiểu số chuyên biến còn chậm.

5. Giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình

Hàng năm BCD thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM huyện đã thành lập Đoàn công tác để tổ chức theo dõi và hướng dẫn các xã triển khai thực hiện chương trình theo kế hoạch giao. Qua đó kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Đặc biệt UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan đơn vị trực tiếp theo dõi hướng dẫn thực hiện các tiêu chí về xây dựng NTM thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị: tập trung, tăng cường tổ chức, hướng dẫn các xã thực hiện đạt chuẩn 19 tiêu chí về xây dựng NTM.

6. Kết quả huy động nguồn lực thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

a) Huy động nguồn lực:

- Tổng kinh phí huy động giai đoạn 2016-2020: **2.780.300,0** triệu đồng, trong đó:
- Cơ cấu nguồn vốn:
 - + Ngân sách TW: 152.304,0 triệu đồng, chiếm tỷ lệ **5,5%**.
 - + Ngân sách địa phương: 272.211,0 triệu đồng, chiếm tỷ lệ **9,8%**.
 - + Vốn lồng ghép: 338.175,0 triệu đồng chiếm tỷ lệ **12,2%**.
 - + Vốn tín dụng: 700.800,0 triệu đồng chiếm tỷ lệ **25,2%**.
 - + Vốn Doanh nghiệp: 274.310,0 triệu đồng chiếm tỷ lệ **9,9%**.
 - + Vốn Nhân dân đóng góp: 1.042,5 triệu đồng chiếm tỷ lệ **37,5%**.

b) Kết quả xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

- Giai đoạn 2016-2020: Huyện không còn nợ đọng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Kết quả đạt chuẩn nông thôn mới:

Kết quả chung tính đến ngày 31/12/2019, dự kiến khả năng hoàn thành mục tiêu đến năm 2020, cụ thể:

- Số đơn vị cấp thôn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Đã ra quyết định công nhận 2 làng đạt chuẩn Làng NTM *Phấn đấu đến 31/12/2020 có thêm 2 làng được công nhận đạt chuẩn*).

- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Toàn huyện đã có 4/13 xã được Chủ tịch UBND Tỉnh công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới (*Phấn đấu đến 31/12/2020 có thêm 9 xã được công nhận đạt chuẩn và Huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM*).

- Số tiêu chí bình quân/xã: 15,3 tiêu chí (*đến cuối năm 2020 là 19 tiêu chí*)
- Số xã đạt theo nhóm tiêu chí (*từ 15-18 tiêu chí; 10-14 tiêu chí và dưới 10 tiêu chí*):
 - + Xã đạt dưới 10 tiêu chí: 0 xã.
 - + Xã đạt từ 10 – 14 tiêu chí: 6 xã.
 - + Xã đạt từ 15 – 18 tiêu chí: 3 xã.

b) Kết quả thực hiện một số tiêu chí nâng cao của Chương trình: Trong giai đoạn 2016-2020 Huyện chưa đăng ký thực hiện đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao.

2. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

- **Tiêu chí số 1 - Quy hoạch:** UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đồ án xây dựng NTM phù hợp với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đồng thời phát triển mở rộng các khu dân cư trên địa bàn xã gắn với công tác ứng phó phòng, chống thiên tai phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và tập quán sinh hoạt của địa phương. Đến nay UBND huyện đã ra Quyết định phê duyệt quy hoạch đồ án xây dựng NTM trên địa bàn huyện tại 13/13 xã.

- **Tiêu chí số 2 - Giao thông:** Giai đoạn 2016-2020 toàn huyện đã đầu tư cứng hóa 156,87 km đường giao thông các loại, trong đó (Đường trục xã 26,8 km; đường trục thôn, làng 33 km; đường trục chính nội đồng đã đầu tư cứng hóa 97,07km)

Đến nay đã có 07 xã đạt chuẩn tiêu chí theo quy định (Đông, Nghĩa An, ĐăkHlor, Tơ Tung, Sơn Lang, Sơ Pai và Đak Smar) và phấn đấu đến cuối năm 2020 có 13/13 xã thực hiện đạt chuẩn tiêu chí

- **Tiêu chí số 3 - Thủy lợi:** Hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện ngày càng hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất cho hơn 80% diện tích, trong giai đoạn 2016-2020 đã tổ chức phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai cho 100% cán bộ, công chức và người lao động các xã và hơn 70% người dân được phổ biến, cấp phát tờ rơi về tuyên truyền kiến thức phòng, chống thiên tai. Đến nay 13/13 xã đã đạt chuẩn tiêu chí.

- **Tiêu chí số 4 - Điện:** Hệ thống điện trên địa bàn huyện đã được đầu tư đạt chuẩn theo quy định, tỷ lệ hộ sử dụng điện an toàn từ các nguồn đạt trên 98% và đã có 13/13 xã đạt tiêu chí.

- **Tiêu chí số 5 - Cơ sở vật chất trường học:** Toàn huyện đã đầu tư đạt chuẩn 33/48 cơ sở trường học các cấp, đạt tỷ lệ 68,8% (trong đó: 12 trường Mẫu giáo, 10 trường tiểu học, 10 trường THCS và 1 trường THPT). Đến nay huyện có 8/13 xã thực hiện đạt chuẩn tiêu chí. Dự kiến đến cuối năm 2020 có thêm 8 trường được công nhận đạt chuẩn và 13/13 xã thực hiện đạt chuẩn tiêu chí.

- **Tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa:** Trên cơ sở yêu cầu của Bộ tiêu chí xây dựng NTM, UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã xây dựng đề án thành lập trung tâm văn hóa xã, đồng thời lồng ghép, huy động nguồn lực để đầu tư nâng cấp, xây dựng đạt chuẩn các hạng mục chỉ tiêu theo quy định. Đến nay huyện có 9/13 xã thực hiện đạt chuẩn tiêu chí, đạt tỷ lệ 69%. Dự kiến đến cuối năm 2020 có thêm 4 trường được công nhận đạt chuẩn và 13/13 xã thực hiện đạt chuẩn tiêu chí.

- **Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại:** Trong giai đoạn 2016-2020 theo nhu cầu thực tế của các xã và yêu cầu thực hiện của tiêu chí xây dựng NTM, huyện không đầu tư xây dựng chợ mà tạo điều kiện, khuyến khích các hộ gia đình đầu tư xây dựng các cửa hàng trao đổi hàng hóa để cung cấp các mặt hàng phục vụ nhu cầu thiết yếu hàng ngày cho nhân dân. Đến nay huyện có 13/13 xã thực hiện đạt chuẩn tiêu chí theo yêu cầu.

- **Tiêu chí số 8 - Thông tin và truyền thông:** Kết quả rà soát, đánh giá đến nay toàn huyện có 11/13 xã đạt chuẩn tiêu chí, đạt tỷ lệ 84,6, trong năm 2020 Huyện thực hiện đầu tư 2 đài truyền thanh xã (Sơ Pai và Kon Pne) để cung cấp thông tin cho người dân và đến cuối năm 2020 có 13/13 xã đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

- **Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư:** Tỷ lệ hộ có nhà đạt chuẩn theo quy định trên 75% đã đáp ứng đúng yêu cầu của tiêu chí. Tuy nhiên toàn huyện đến cuối năm 2019 vẫn còn 255 hộ có nhà tạm dột nát. Do đó, xã đạt tiêu chí còn thấp, hiện có 6/13 xã đạt chiếm 46%. Phấn đấu đến cuối năm 2020 đạt tiêu chí ở 13/13 xã.

- **Tiêu chí số 10,11 - Thu nhập và Hộ nghèo:** Ngay từ khi triển khai thực hiện chương trình huyện đã xác định mục tiêu xây dựng nông thôn mới để nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống, từng bước giảm nghèo bền vững, với mục tiêu đó UBND Huyện đã ban hành Kế hoạch số 1570/KH-UBND ngày 13/10/2015 *Triển khai thực hiện mục tiêu Quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2016-2020*; từ các chương trình, chính sách đã ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất như cấp cây giống, phân bón, bò cái giống sinh sản,... và thực hiện các mô hình sản xuất gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp, HTX

Đến cuối năm 2019 thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn huyện đạt 35,045 triệu đồng tăng 18,14 triệu đồng so với cuối năm 2015; Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 7,92%, giảm 21,58% so với cuối năm 2015.

- **Tiêu chí số 12 - Lao động có việc làm:** từ nguồn vốn Chương trình 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trong giai đoạn 2010-2019, đã tổ chức đào tạo nghề cho 116 lớp với 3.285 lao động nông thôn được tham gia học nghề (*trong đó ngành nghề nông nghiệp 101 lớp với 2.868 lao động, ngành nghề phi nông nghiệp 15 lớp với 417 lao động*); các nghề được đào tạo đa dạng, phù hợp với từng giai đoạn phát triển như: trồng cà phê, tiêu, lúa nước, ngô, chăn nuôi thú y, nề, sửa chữa máy cày công suất nhỏ, đào tạo kỹ năng làm du lịch cộng đồng...

- **Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất:** Trong 5 năm, Huyện đã thành lập 11 Hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo luật HTX năm 2012 trên địa bàn 13 xã, đến nay 13/13 xã đều có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm với các Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn, đạt tỷ lệ 100%.

- **Tiêu chí số 14 - Giáo dục:** thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM trong giai đoạn 2016-2020 trên lĩnh vực giáo dục đã có những chuyển biến tích cực, cụ thể:

+ Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi được phổ cập giáo dục Mầm non đạt 99,4% (tăng 0,3 % so với giai đoạn 2011-2015 là 99,1%).

+ Tỷ lệ phổ cập giáo dục tiểu học và THCS đạt 99%, tăng 1% so với giai đoạn 2010-2015 là 98%

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học THPT hoặc học nghề đạt 78%, tăng 20% so với giai đoạn 2010-2015.

+ Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo trên địa bàn các xã đều đạt trên 25%

Đến nay có 13/13 xã đạt chuẩn tiêu chí.

- **Tiêu chí số 15 - Y tế:** Công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân được quan tâm tối đa, cơ sở vật chất và trang thiết bị khám, chữa bệnh được đầu tư ngày càng tốt hơn, hoàn thiện hơn, 13/13 xã trên địa bàn đều có trạm y tế xã đạt chuẩn, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 85,6% (*tăng 0,67% so với giai đoạn 2010-2015*); tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi ngày càng giảm, chỉ còn 29,2% giảm 5,4% so với giai đoạn 2010-2015. Đến nay đã có 13/13 xã đạt chuẩn tiêu chí y tế.

- **Tiêu chí số 16 - Văn hóa:** Trong những năm qua phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM” luôn được tổ chức phát động hàng năm trên địa bàn huyện, 100% các thôn, làng trên địa bàn xã đều có nhà văn hóa, các thiết chế văn hóa ở cơ sở từng bước được xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức các hoạt động văn hóa , văn nghệ, thể dục thể thao ở cơ sở, hơn 70% thôn làng được công nhận đạt chuẩn văn hóa trong giai đoạn 2016-2020. Đến nay toàn huyện có 13/13 xã đạt chuẩn về văn hóa, chiếm tỷ lệ 100%.

- **Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm:**

+ Công tác môi trường luôn được Huyện quan tâm, chú trọng đầu tư, nhất là việc đầu tư, nâng cấp các hệ thống cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân, từ đó có 98% hộ gia đình được cung cấp nước hợp vệ sinh thường xuyên (tăng 2% so với giai đoạn 2010-2015); 100% thôn, làng trên địa bàn xã được quy hoạch khu nghĩa địa phục vụ mai tang phù hợp với phong tục tập quán của người dân và đảm bảo hợp vệ sinh; không còn tình trạng chăn nuôi gia súc thả rông hoặc dưới gầm nhà như giai đoạn 2011-2015; tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm và bể chứa nước ngày càng cao, đến cuối năm 2019 đạt tỷ lệ 58% (tăng 24% so với giai đoạn 2010-2015 là 34%); công tác thu gom rác thải rắn bao bì, thuốc BVTV sau sử dụng được triển khai thực hiện có hiệu quả trên địa bàn 9/13 xã (tăng 8 xã so với giai đoạn 2010-2015) đã góp phần giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn.

+ Nhận thức của người dân về công tác vệ sinh an toàn thực phẩm ngày được nâng cao (các hộ dân được tập huấn, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm và ký cam kết thực hiện đảm bảo vệ sinh an toàn toàn thực phẩm theo đúng quy định), các cơ sở sản xuất kinh doanh đã tuân thủ, chấp hành tốt các nội quy về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Đến nay toàn huyện có 9/13 xã đạt chuẩn tiêu chí theo quy định, dự kiến đến cuối năm 2020 đạt chuẩn tiêu chí tại 13/13 xã.

- Tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: Xác định đây là tiêu chí rất quan trọng, bởi hệ thống chính trị ở cơ sở có vững mạnh thì mới lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các tiêu chí khác về xây dựng NTM. Vì vậy trong thời gian qua huyện luôn nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng NTM; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân theo đúng Quyết định 619/QĐ-TTg của Chính phủ; bảo đảm bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình.

Giai đoạn 2016-2020 đã tổ chức bồi dưỡng đạt chuẩn 97/132 cán bộ (đạt tỷ lệ 73,5%), 113/138 công chức (đạt tỷ lệ 81,9%); 13/13 xã có đủ các tổ chức chính trị theo quy định; hàng năm hơn 90% Đảng bộ xã, chính quyền và Mặt trận đoàn thể xã được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 13/13 xã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Đến nay toàn huyện có 9/13 xã thực hiện đạt chuẩn tiêu chí, còn lại 4 xã (Krong, Đak Rong, Đăk Smar, Kông Long Khong) chưa đạt chuẩn do còn cán bộ, công chức chưa đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, chưa được đào tạo, bồi dưỡng chức danh theo tiêu quy định. Đến cuối năm 2020 có 13/13 xã đạt chuẩn tiêu chí.

- Tiêu chí số 19 - Quốc phòng và An ninh:

+ Công tác giáo dục Quốc phòng an ninh trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2019 luôn được cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ. Hội đồng giáo dục QPAN kịp thời củng cố, kiện toàn và hoạt động có hiệu quả. Công tác bồi dưỡng kiến thức giáo dục QPAN cho các đối tượng luôn đạt chỉ tiêu đề ra.

+ An ninh trật tự xã hội được giữ vững, ổn định, phong trào “toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn với phong trào xây dựng NTM” được đẩy mạnh; các hộ gia đình chấp hành nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết, Pháp luật của Nhà nước, xây dựng gia đình văn hóa, phát triển sản xuất kinh doanh, làm giàu chính đáng.

Đến nay có 13/13 xã được duy trì, giữ vững đạt chuẩn tiêu chí từ giai đoạn 2010-2015.

3. Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới.

Căn cứ Quyết định số: 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh

hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, Thông tư số: 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Quyết định số: 410/QĐ-UBND ngày 27/8/2018 của UBND tỉnh Gia Lai Ban hành Quy định cụ thể hóa nội dung tiêu chí huyện nông thôn mới áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2018-2020;

Qua rà soát thực tế, trên địa bàn huyện có **05/09** tiêu chí đạt chuẩn, gồm: tiêu chí số 3 về thủy lợi, tiêu chí số 4 về điện, tiêu chí số 6 về sản xuất, tiêu chí số 8 về an ninh, trật tự xã hội và tiêu chí số 9 về Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới. UBND huyện Kbang phấn đấu hoàn thành xây dựng NTM vào cuối năm 2020.

*** 04 tiêu chí chưa đạt gồm:**

- **Tiêu chí số 1 - quy hoạch:** Huyện chưa có quy hoạch xây dựng vùng huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số: 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ. *Hiện nay UBND huyện đang tổ chức triển khai thực hiện, dự kiến hoàn thành tiêu chí vào cuối năm 2020.*

- **Tiêu chí số 2 - Giao thông:** Chỉ tiêu 2.2: Tỷ lệ đường huyện được nhựa hóa, hoặc bê tông hóa đạt 96% (166,56/172,56km). Còn lại 6 km chưa được nhựa hóa hoặc bê tông hóa. *UBND huyện đã đề nghị UBND Tỉnh hỗ trợ kinh phí để thực hiện, phấn đấu đến cuối năm 2020 thực hiện hoàn thành tiêu chí.*

- **Tiêu chí số 5- Y tế - Văn hóa - Giáo dục:** Chỉ tiêu 5.2: Trung tâm văn hóa - thể thao huyện còn thiếu Nhà tập luyện thể thao, Hội trường đa năng mới đạt 230/300 chỗ ngồi. *UBND huyện xét thấy nội dung này chưa cần thiết phải đầu tư trong giai đoạn 2016-2020 vì chưa có nguồn kinh phí và huyện cũng đã có trung tâm văn hóa huyện, UBND huyện đang xin ý kiến UBND Tỉnh và Sở văn hóa và Du lịch, Sở Nông nghiệp và PTNT để có cơ sở triển khai thực hiện.*

- **Tiêu chí số 7 - về môi trường:** Chỉ tiêu 7.1: Chưa có phương án thu gom toàn bộ bao bì thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn huyện theo quy định. *UBND huyện đang triển khai xây dựng phương án và dự kiến hoàn thành trong năm 2020.*

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHUNG ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN.

1. Mặt được:

Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM, trên địa bàn Huyện mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, thách thức song đã đạt kết quả quan trọng như: Bộ mặt nông thôn đổi mới, hạ tầng thiết yếu về giao thông, văn hóa, y tế, giáo dục, ... được cải thiện, số hộ nghèo giảm nhanh, sản xuất phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao. Đến nay đã có 4 xã đạt chuẩn nông thôn mới, có 10 tiêu chí đạt 100% ở 13 xã, bình quân mỗi xã đạt được 15,3 tiêu chí/xã, không còn xã nào đạt dưới 10 tiêu chí (*phấn đấu đến năm 2020 đạt chuẩn Huyện nông thôn mới*), đặc biệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đã nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, tỉnh và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị các cấp, các ngành, đoàn thể và sự đồng thuận của người dân. Vì thế mọi nguồn lực đã được phát huy, phong trào xây dựng nông thôn mới trên toàn huyện tiếp tục có sự chuyển biến mạnh mẽ, ngày càng trở thành phong trào thi đua sâu rộng trong toàn huyện góp phần vào thực hiện mục tiêu đạt chuẩn huyện nông thôn mới vào năm 2020; mà đến nay đạt được như sau:

- Nhận thức của người dân ngày càng nâng cao, nhân dân tích cực tham gia xây dựng NTM và xây dựng nông thôn mới chính là vì lợi ích của cộng đồng và của chính gia đình mình.

- Cơ sở hạ tầng giao thông trục huyện được BTXM và nhựa hóa trên 95% (168,5/174 km) tăng 36,3% so với năm 2015; đường trục xã được BTXM 98% (120/121,4 km) tăng 24,5% so với năm 2015; đường trục thôn làng được BTXM hơn 87% (121,6/139,6 km) tăng 38% so với năm 2015; đường trục chính nội đồng được cứng hóa 64,3% (211,6/328,8 km) tăng 11% so với năm 2015.

- Cơ sở vật chất văn hóa được đầu tư, nâng cấp mở rộng, đến nay các xã đều quy hoạch và xây dựng trung tâm văn hóa xã, 100% thôn, làng trên địa bàn các xã đã có nhà văn hóa phục vụ sinh hoạt cho người dân.

- 13/13 đã được phủ sóng điện để nhân dân truy cập thông tin thông qua dịch vụ internet.

- Thu nhập bình quân đầu người tăng đều qua các năm, đến cuối năm 2019 là 35,045 triệu đồng tăng 18,14 triệu đồng so với năm 2015 (16,9 triệu đồng/người/năm).

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 7,92% và giảm 21,58% so với năm 2015 (năm 2015 29,5%).

- Các trạm y tế xã được quan tâm đầu tư nâng cấp để đạt chuẩn theo Quyết định 4667/QĐ-BYT ngày 7/4/2014 của Bộ y tế.

- Hệ thống nước sinh hoạt của người dân được đầu tư nâng cấp để nâng tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh lên 98%, tăng 3% so với năm 2015.

- Các tổ chức chính trị đã nâng cao vai trò trách nhiệm và hoạt động có hiệu quả trong tham gia chương trình xây dựng NTM; cán bộ, công chức được nâng cao về trình độ, năng lực tổ chức thực hiện, nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; nhận thức của nhân dân về xây dựng NTM được nâng lên, góp phần tích cực vào thực hiện thắng lợi chương trình MTQG về xây dựng NTM trên địa bàn huyện.

2. Những hạn chế tồn tại, nguyên nhân:

- Việc huy động nguồn lực từ trong nhân dân gặp nhiều hạn chế do phần lớn người dân khu vực nông thôn còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao.

- Nhận thức của các hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế (*Chưa có trách nhiệm đầy đủ trong việc xây dựng nhà ở, công trình nhà vệ sinh, áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất...*), còn tồn tại một số phong tục tập quán lạc hậu.

- Việc huy động vốn của các doanh nghiệp thực hiện Chương trình gặp nhiều khó khăn nhất là đối với xã không có doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn.

- Huyện đã kêu gọi, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn huyện trên lĩnh vực nông nghiệp nhưng tiến độ thực hiện các dự án còn chậm.

- Trình độ dân trí của người dân còn thấp, không đồng đều giữa các xã, các thôn làng. Năng lực chuyên môn của cán bộ thôn làng và xã hạn chế nên việc nắm bắt và triển khai thực hiện chương trình có nơi, có lúc chưa kịp thời, chưa sâu sát, chưa thường xuyên, công tác chỉ đạo, điều hành chưa đạt hiệu quả cao.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

- **Một là:** Xây dựng nông thôn mới là mục tiêu, là động lực để phát triển kinh tế-xã hội. Vì vậy, để thực hiện tốt phải có quyết tâm chính trị cao, có kế hoạch cụ thể, chủ động, sáng tạo, sâu sát, liên tục của các cấp ủy, chính quyền, nhất là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu để huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc cùng với sự quan tâm của toàn xã hội bằng phong trào thi đua trong từng địa phương, đơn vị, đoàn thể để tạo ra sức mạnh tổng hợp về xây dựng nông thôn mới.

- **Hai là:** Phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới là yếu tố quyết định cho sự thành công của chương trình. Do vậy cần nhân rộng kịp thời các gương điển hình xây dựng nông thôn mới, đồng thời tạo điều kiện về cơ chế, chính sách để người dân thực sự làm chủ thể trong xây dựng nông thôn mới; cần làm tốt công tác tuyên truyền, vận động phát huy tính chủ động và sáng tạo của người dân; nghiêm túc thực hiện các nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch, thực sự quan tâm tới lợi ích thiết thực của người dân trong việc quyết định lựa chọn nội dung, quản lý, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện chương trình ở địa phương.

- **Ba là:** Nắm vững mục tiêu và hệ thống các tiêu chí nông thôn mới để có cách làm chủ động, sáng tạo, phù hợp với điều kiện và yêu cầu bức thiết của người dân ở từng địa phương; phát huy cao các nguồn lực tại chỗ; lồng ghép các chương trình, dự án; lựa chọn, tập trung hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên tạo ra sự chuyển biến thực tế trên diện rộng, tạo niềm tin vào chương trình.

- **Bốn là:** Trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện phải có kế hoạch, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ đề ra để có sự điều chỉnh và có giải pháp phù hợp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; làm tốt công tác thi đua, khen thưởng để động viên kịp thời các địa phương làm tốt, các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho chương trình.

- **Năm là:** Đẩy mạnh phát động phong trào thi đua “Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đổi mới văn minh”, động viên khen thưởng kịp thời các đơn vị, cá nhân có nhiều đóng góp trong xây dựng nông thôn mới.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. MỤC TIÊU PHÂN ĐẦU GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Mục tiêu tổng quát: Tiếp tục thực hiện Chương trình Nông thôn mới nâng cao; xây dựng làng Nông thôn mới; phát huy vai trò chủ thể của người dân, lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn; tái cơ cấu ngành nông nghiệp phát triển theo hướng công nghệ cao và thực hiện theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao giá trị gia tăng, chất lượng và bền vững. Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

2. Mục tiêu cụ thể trong giai đoạn 2021-2025:

- Có từ 2-3 xã được công nhận xã nông thôn mới nâng cao.
- Có 10 làng đạt chuẩn nông thôn mới; có 3-4 khu dân cư kiểu mẫu được công nhận.
- Bình quân số tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn các xã là 13 tiêu chí/xã.
- Đến năm 2025, thu nhập bình quân đầu người đạt 47 triệu đồng/người/năm.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 5% (*chủ yếu là hộ đồng bào dân tộc thiểu số*).
- Tỷ lệ hộ dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 90%.
- Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng nước sạch đạt 75% và, nước hợp vệ sinh đạt 99%.

II. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

* Tổng nhu cầu kế hoạch kinh phí để thực hiện trong giai đoạn 2021-2025: 3.199,500,0 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách TW: 164.800,0 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương: 386.499,0 triệu đồng;
- Vốn lồng ghép: 228.701,0 triệu đồng ;
- Vốn tín dụng: 920.000,0 triệu đồng;
- Vốn Doanh nghiệp: 258.000,0 triệu đồng;
- Vốn Nhân dân đóng góp: 1.241.500,0 triệu đồng ;

III. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ.

- Đề nghị TW, Tỉnh thực hiện cơ chế phân bổ vốn NSTW theo hướng: hỗ trợ cho địa phương tổng mức vốn và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện trình Hội đồng nhân dân quyết định, để thực hiện.

- Đề nghị Tỉnh Ưu tiên nguồn lực hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn, khu căn cứ cách mạng, Thôn, làng và xã đăng ký thực hiện xã NTM nâng cao, khu dân cư kiểu mẫu...

- Đề nghị UBND tỉnh tham mưu cho HĐND tỉnh có Nghị quyết để cụ thể hóa Điều 9, Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về việc quy định thực hiện cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng.

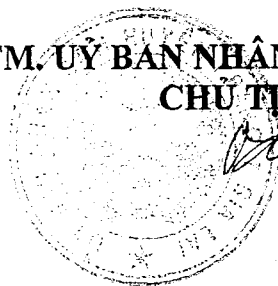
- Đề nghị UBND tỉnh rà soát danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ áp dụng cơ chế đặc thù được UBND tỉnh quy định tại Quyết định 350/QĐ-UBND ngày 04/05/2017 “Về ban hành danh mục loại dự án nhóm C quy mô nhỏ áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư thực hiện CT MTQG trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020” để xác định những công trình có kết cấu kỹ thuật phức tạp chuyển sang thực hiện theo quy trình đầu tư XDCB thông thường cho phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của cán bộ, công chức cấp xã trong việc lập hồ sơ thiết kế dự toán và năng lực thực hiện của tổ nhóm thợ.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch triển khai thực hiện giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Kbang. *[Chữ ký]*

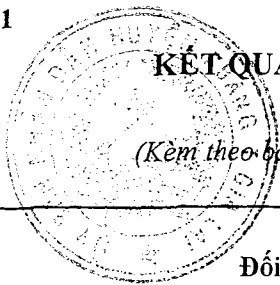
Nơi nhận:

- UBND Tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- TT UBND huyện;
- Ban TT UBMTQ VN Huyện;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Văn phòng ĐPNTM huyện;
- Lưu VT, VP, KT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH



[Chữ ký]
Võ Văn Phán



**KẾT QUẢ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020
VÀ DỰ KIẾN MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo báo cáo số **96** /BC-UBND ngày **30** /3/2020 của UBND huyện Kbang)

TT	Đối tượng	ĐVT	Tính đến 31/12/2019	Dự kiến đến 31/12/2020	Dự kiến mục tiêu 2021- 2025
I	Cấp xã				
1	Tổng số xã				
2	Số xã đạt 19 tiêu chí	Xã	4	13	13
	Trong đó:		4		
	Số xã đã có Quyết định công nhận đạt chuẩn				
3	Số xã theo nhóm tiêu chí				
-	Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	Xã	3		
-	Số xã đạt 10-14 tiêu chí	Xã	6		
-	Số xã dưới 10 tiêu chí	Xã			
4	Số xã được công nhận đạt chuẩn nâng cao				2
5	Số xã được công nhận đạt chuẩn kiểu mẫu				
II	Đơn vị cấp huyện				
1	Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	Huyện		1	
	Trong đó: Đã có quyết định công nhận				
2	Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao				
3	Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu				
III	Cấp thôn, làng khu dân cư				
1	Số thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới	Làng	2	4	10
	Trong đó:				
-	Số lượng thôn, làng đã có Quyết định công nhận theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ				
-	Số lượng thôn, làng đã có quyết định đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu				
2	Số lượng khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí của tỉnh ban hành		0	0	3
	Trong đó				
-	Số lượng khu dân cư đã có Quyết định công nhận đạt chuẩn				3
-	Số lượng khu dân cư đã có Quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu				3
IV	Một số chỉ tiêu cơ bản				
1	Thu nhập bình quân khu vực nông thôn/người/năm	tr. Đồng	35,045	38,5	47
2	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	7,92	5,3	5
3	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	86	90,7	90
4	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia	%	60	70	75

Handwritten signature

Biểu số: 02

Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo nội dung tiêu chí giai đoạn 2016-2020 và dự kiến mục tiêu giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo báo cáo số 96 /BC-UBND ngày 30 /3/2020 của UBND huyện Kbang)

Đơn vị: % số xã

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu	Tỷ lệ xã đạt các nội dung tiêu chí		
			Tính đến 31/12/2019	Dự kiến đến 31/12/2020	mục tiêu 2021-2025
1	Quy hoạch				
		1.1. Xã có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	100%	100%	100%
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	100%	100%	100%
2	Giao thông				
		2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	92%	100%	100%
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	54%	100%	100%
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100%	100%	100%
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	54%	100%	100%
3	Thủy lợi				
		3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	100%	100%	100%
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	100%	100%	100%
4	Điện				
		4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	100%	100%	100%
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	100%	100%	100%
5	Trường học				
		Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	62%	100%	100%
6	Cơ sở vật chất văn hóa				
		6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	69%	100%	100%

Như

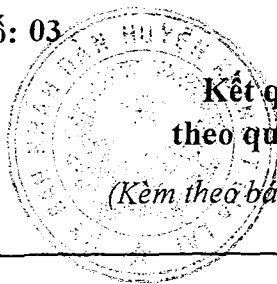
TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu	Tỷ lệ xã đạt các nội dung tiêu chí		
			Tính đến 31/12/2019	Dự kiến đến 31/12/2020	mục tiêu 2021-2025
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	69%	100%	100%
		6.3. Xã có tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	100%	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn				
		Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	100%	100%	100%
8	Thông tin và Truyền thông				
		8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	100%	100%	100%
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	100%	100%	100%
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	85%	100%	100%
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	100%	100%	100%
9	Nhà ở cư dân				
		9.1. Không có nhà tạm, dột nát	54%	100%	100%
		9.2 Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	54%	100%	100%
10	Thu nhập				
		Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	31%	100%	100%
11	Hộ nghèo				
		Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020		100%	100%
12	Lao động có việc làm		46%		
		Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	100%	100%	100%
13	Tổ chức sản xuất				
		13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	100%	100%	100%
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	100%	100%	100%
14	Giáo dục và Đào tạo				
		14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	100%	100%	100%

Như

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu	Tỷ lệ xã đạt các nội dung tiêu chí		
			Tính đến 31/12/2019	Dự kiến đến 31/12/2020	mục tiêu 2021-2025
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	100%	100%	100%
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	100%	100%	100%
15	Y tế				
		15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	100%	100%	100%
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	100%	100%	100%
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	100%	100%	100%
16	Văn hóa				
		Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	100%	100%	100%
17	Môi trường và an toàn thực phẩm				
		17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	69%	100%	100%
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	100%	100%	100%
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	100%	100%	100%
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	69%	100%	100%
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	69%	100%	100%
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	100%	100%
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%	100%
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật				
		18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	69%	100%	100%

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu	Tỷ lệ xã đạt các nội dung tiêu chí		
			Tính đến 31/12/2019	Dự kiến đến 31/12/2020	mục tiêu 2021-2025
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	100%	100%	100%
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	100%	100%	100%
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	100%	100%
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	100%	100%	100%
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	100%	100%	100%
19	Quốc phòng và An ninh				
		19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	100%	100%	100%
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	100%	100%	100%

Biểu số: 03



**Kết quả phân bổ và bố trí nguồn vốn Trung ương cho các xã
theo quy định tại Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017**

(Kèm theo báo cáo số 46 /BC-UBND ngày 30 /3/2020 của UBND huyện Kbang)

TT	Đối tượng	Giai đoạn 2016-2020			Dự kiến nhu cầu giai đoạn 2021-2025		
		Số xã	Vốn bình quân/xã	Tổng	Số xã	Vốn bình quân/xã	Tổng
I	Đối với các xã						
1	Xã nghèo, đặc biệt khó khăn	7	10.042,1	70.295,0	6	15.000,0	90.000,0
-	Xã đặc biệt khó khăn dưới 5 tiêu chí	0					
-	Xã đặc biệt khó khăn còn lại	7	10.042,1	70.295,0	6	15.000,0	90.000,0
2	Xã 5-9 tiêu chí						
3	Xã từ 10-14 tiêu chí	1	3.165,0	3.165,0			
4	Xã từ 15 tiêu chí trở lên	5	2.767,8	13.839,0	7	7.000,0	49.000,0
5	Xã phấn đấu đạt chuẩn NTM nâng cao	Nếu có					
6	Xã phấn đấu đạt chuẩn NTM kiểu mẫu						
7	Các xã còn lại						
II	Đối với cấp huyện						
1	Huyện phấn đấu đạt chuẩn NTM nâng cao	Giai đoạn 2016-2020 không bố trí					
2	Huyện phấn đấu đạt chuẩn NTM kiểu mẫu						

Handwritten signature

Biểu số: 05

**KẾT QUẢ PHÂN BỐ, BỐ TRÍ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ DỰ KIẾN NHU CẦU CHO GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo báo cáo số 96 /BC-UBND ngày 30 /3/2020 của UBND huyện Kbang)

Biểu 5.1. Kết quả phân bổ vốn đầu tư phát triển và trái phiếu Chính phủ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

TT	Nội dung đầu tư cơ sở hạ tầng	Tính đến 31/12/2019	Dự kiến đến 31/12/2020	Dự kiến nhu cầu giai đoạn 2021-2025
1	Hệ thống giao thông	82.217,0	111.838,0	122.000,0
2	Hệ thống thủy lợi	0,0	2.400,0	5.000,0
3	Hệ thống điện			
4	Hệ thống trường học	895,0	1.755,0	2.000,0
5	Hệ thống cơ sở vật chất văn hóa	4.443,0	6.893,0	5.000,0
6	Hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại			
7	Hệ thống thông tin và truyền thông	300,0	600,0	
8	Hệ thống trạm y tế			
9	Hệ thống công trình cung cấp nước sạch		1.140,0	5.000,0
10	Các công trình xử lý môi trường			
11	Nội dung khác			
TỔNG		87.855,0	124.626,0	139.000,0

Biểu 5.2. Kết quả phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM

TT	Nội dung hỗ trợ	Tính đến 31/12/2019	Dự kiến đến 31/12/2020	Dự kiến nhu cầu giai đoạn 2021-2025
1	Nội dung thành phần số 1: Quy hoạch xây dựng nông thôn mới	2.800,0	2.800,0	2.600,0
2	Nội dung thành phần số 2: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội	0,0	0,0	0,0
2.1	Nội dung số 05: Hoàn thiện hệ thống Trung tâm văn hóa - thể thao, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản			
2.2	Nội dung số 08: Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở			
3	Nội dung thành phần số 3: Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân	7.189,0	16.363,0	18.500,0
3.1	Nội dung số 01: Triển khai có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững	2.654,0	7.738,0	10.000,0
3.2	Nội dung số 03: Tiếp tục thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm			
3.3	<u>Nội dung số 04: Tiếp tục đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020.</u>	411,0	485,0	1.000,0
3.4	Nội dung số 05: Phát triển ngành nghề nông thôn	3.434,0	6.800,0	6.000,0

TT	Nội dung hỗ trợ	Tính đến 31/12/2019	Dự kiến đến 31/12/2020	Dự kiến nhu cầu giai đoạn 2021-2025
3.4.1	Xây dựng và phát triển mỗi xã một sản phẩm (OCOP);	3.434,0	6.800,0	6.000,0
3.4.2	Bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với phát triển du lịch sinh thái; khuyến khích phát triển mỗi làng một nghề; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, cải tiến mẫu mã bao bì sản phẩm cho sản phẩm làng nghề"			
3.5	Nội dung số 06: Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn	690,0	1.340,0	1.500,0
3.5.1	Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn			
3.5.2	Đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn	690,0	1.340,0	1.500,0
4	Nội dung thành phần số 5: Phát triển giáo dục ở nông thôn.			
5	Nội dung thành phần số 6: Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn.			
6	Nội dung số 7: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn	55,0	1.201,0	1.000,0
7	Nội dung thành phần số 8: Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề	1.444,0	6.344,0	2.500,0
7.1	Nội dung số 01: Thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020, cải thiện điều kiện vệ sinh, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi vệ sinh và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, góp phần nâng cao sức khỏe và chất lượng sống cho người dân nông thôn.	1.444,0	6.344,0	2.500,0
7.2	Nội dung số 02: Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, thôn theo quy hoạch; thu gom và xử lý chất thải, nước thải theo quy định; cải tạo nghĩa trang; xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.			
	Nội dung số 03: Khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng			
8	Nội dung thành phần số 9: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng NTM; cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.			
9	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn			
10	Nội dung thành phần số 11 - Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; truyền thông về xây dựng NTM	330,0	970,0	1.200,0

Chu

TT	Nội dung hỗ trợ	Tính đến 31/12/2019	Dự kiến đến 31/12/2020	Dự kiến nhu cầu giai đoạn 2021-2025
10.1	Nội dung số 02: Tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp	80,0	110,0	150,0
10.2	Nội dung số 03: Tổ chức triển khai công tác giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp	170,0	650,0	800,0
10.3	Nội dung số 04: Truyền thông về xây dựng nông thôn mới	80,0	210,0	250,0
TỔNG CỘNG		11.818,0	27.678,0	25.800,0

Biểu 5.3. Kết quả huy động nguồn lực thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

TT	Nội dung chỉ tiêu	Tính đến 31/12/2019	Dự kiến đến 31/12/2020	Dự kiến nhu cầu giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	2.052.693,0	2.780.300,0	3.199.500,0
I	Ngân sách Trung ương	99.673,0	152.304,0	164.800,0
1	Đầu tư phát triển (bao gồm vốn TCPC và vốn nước ngoài hòa đồng NSNN)	87.855,0	124.626,0	139.000,0
2	Sự nghiệp	11.818,0	27.678,0	25.800,0
II	Ngân sách địa phương	199.806,0	272.211,0	386.499,0
1	Tỉnh	60.380,0	123.745,0	200.000,0
2	Huyện	129.226,0	134.266,0	171.499,0
3	Xã	10.200,0	14.200,0	15.000,0
III	Vốn lồng ghép	212.324,0	338.175,0	228.701,0
IV	Vốn tín dụng	500.800,0	700.800,0	920.000,0
V	Vốn doanh nghiệp	207.590,0	274.310,0	258.000,0
VI	Cộng đồng dân cư	832.500,0	1.042.500,0	1.241.500,0
1	Tiền mặt	831.570,9	1.035.060,0	
2	Ngày công và hiện vật quy đổi	929,1	7.440,0	

Như